

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 3B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 31 tháng 7 năm 2020, về việc các đương sự đó thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q thống nhất: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Minh N, sinh ngày 16/12/2012. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Giao con Nguyễn Lê Minh N cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Q tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị M là

1.500.000đồng/tháng kể từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu N trưởng thành (tròn 18 tuổi). Hai bên có nghĩa vụ, quyền về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo pháp luật quy định.

- *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q thống nhất: Hai bên không có tài sản chung, không có quyền, nghĩa vụ khác về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Q phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị M chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007307 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh. Chị M đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Châu Mạnh Cường